VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 24/2025/TT-BNNMT	*Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2025*

THÔNG TƯ
Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đo đạc và bản đồ ngày 14 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ; Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ; Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý.

Điều 1. Bổ sung, bãi bỏ một số nội dung của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chuẩn thông tin địa lý cơ sở, mã số QCVN 42:2020/BTNMT ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BTNMT ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

1. Bổ sung cụm từ "đơn vị" vào trước cụm từ "hành chính" trong tên các đối tượng địa lý sau: Địa phận hành chính cấp tỉnh mã AD02; Địa phận hành chính cấp xã mã AD03; Đường địa giới hành chính cấp tỉnh mã AD05; Đường địa giới hành chính cấp xã mã AD06; Mốc địa giới hành chính cấp tỉnh mã AD08; Mốc địa giới hành chính cấp xã mã AD09; Địa phận hành chính cấp tỉnh trên biển mã AE02; Địa phận hành chính cấp xã trên biển mã AE03; Đường ranh giới hành chính cấp tỉnh trên biển mã AE05; Đường ranh giới hành chính cấp xã trên biển mã AE06 tại điểm 2.2 Phụ lục G.

2. Bãi bỏ các nội dung quy định đối với các đối tượng địa lý sau: Địa phận hành chính cấp huyện mã AD01; Đường địa giới hành chính cấp huyện mã AD04; Mốc địa giới hành chính cấp huyện mã AD07; Địa phận hành chính cấp huyện trên biển mã AE01; Đường ranh giới hành chính cấp huyện trên biển mã AE04; Trụ sở UBND cấp Huyện mã CV07 tại điểm 2.2 Phụ lục G.

Điều 2. Bổ sung, bãi bỏ một số nội dung của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000, 1:10.000, mã số QCVN73:2023/BTNMT ban hành kèm theo Thông tư số 08/2023/TT-BTNMT ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

1. Bổ sung cụm từ "đơn vị" vào trước cụm từ "hành chính" trong tên các đối tượng địa lý sau: Địa phận hành chính cấp tỉnh mã AD02; Địa phận hành chính cấp xã mã AD03; Đường địa giới hành chính cấp tỉnh mã AD05; Đường địa giới hành chính cấp xã mã AD06; Mốc địa giới hành chính cấp tỉnh mã AD08; Mốc địa giới hành chính cấp xã mã AD09; Địa phận hành chính cấp tỉnh trên biển mã AE02; Địa phận hành chính cấp xã trên biển mã AE03; Đường ranh giới hành chính cấp tỉnh trên biển mã AE05; Đường ranh giới hành chính cấp xã trên biển mã AE06 tại điểm 2.1 Phần II, tại Phụ lục A, tại Phụ lục B, tại Phụ lục C, tại Phụ lục D, tại Phụ lục E.

2. Bãi bỏ các nội dung quy định đối với các đối tượng địa lý sau: Địa phận hành chính cấp huyện mã AD01; Đường địa giới hành chính cấp huyện mã AD04; Mốc địa giới hành chính cấp huyện mã AD07; Địa phận hành chính cấp huyện trên biển mã AE01; Đường ranh giới hành chính cấp huyện trên biển mã AE04; Trụ sở UBND cấp Huyện mã CV07 tại điểm 2.1 Phần II, tại Phụ lục A, tại Phụ lục B, tại Phụ lục D, tại Phụ lục E.

Điều 3. Bổ sung, thay thế, bỏ một số nội dung của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:250.000, 1:500.000, 1:1.000.000, mã số QCVN77:2023/BTNMT ban hành kèm theo Thông tư số 21/2023/TT-BTNMT ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

1. Bổ sung cụm từ "đơn vị" vào trước cụm từ "hành chính" trong tên các đối tượng địa lý sau: Địa phận hành chính cấp tỉnh mã AD02; Đường địa giới hành chính cấp tỉnh mã AD05; Địa phận hành chính cấp tỉnh trên biển mã AE02; Đường ranh giới hành chính cấp tỉnh trên biển mã AE05; tại điểm 2.1 Phần II, tại Phụ lục A, tại Phụ lục B, tại Phụ lục C, tại Phụ lục D, tại Phụ lục E.

2. Thay thế các đối tượng địa lý sau: Địa phận hành chính cấp huyện mã AD01 bằng Địa phận đơn vị hành chính cấp xã mã AD03; Đường địa giới hành chính cấp huyện mã AD04 bằng Đường địa giới đơn vị hành chính cấp xã mã AD06; Địa phận hành chính cấp huyện trên biển mã AE01 bằng Địa phận đơn vị hành chính cấp xã trên biển mã AE03; Đường ranh giới hành chính cấp huyện trên biển mã AE04 bằng Đường ranh giới hành chính cấp xã trên biển mã AE06 tại điểm 2.1 Phần II, tại Phụ lục A, tại Phụ lục B, tại Phụ lục D, tại Phụ lục E.

3. Bỏ đối tượng địa lý "Trụ sở UBND cấp Huyện mã CV07" tại điểm 2.1 Phần II, tại Phụ lục A, tại Phụ lục B, tại Phụ lục D, tại Phụ lục E.

Điều 4. Sửa đổi, thay thế, bãi bỏ một số nội dung của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000, mã số QCVN 72:2023/BTNMT ban hành kèm theo Thông tư số 03/2023/TT-BTNMT ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

1. Sửa đổi đoạn a điểm 2.3.6 phần II như sau:

"Tên đơn vị hành chính cấp xã trong phạm vi mảnh bản đồ được bố trí ở khu vực trung tâm phạm vi hành chính của xã, phường, đặc khu đó. Trường hợp phạm vi đơn vị hành chính cấp xã bị chia cắt trên nhiều mảnh bản đồ thì ưu tiên thể hiện tên đơn vị hành chính cấp xã trong mảnh có trụ sở Ủy ban nhân dân, trường hợp mảnh có trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã không đủ diện tích để thể hiện tên đơn vị hành chính thì ghi chú tên đơn vị hành chính trong mảnh có phạm vi rộng nhất, các mảnh khác chỉ thể hiện tên đơn vị hành chính cấp xã ngoài khung bản đồ. Tên đơn vị hành chính cấp xã bao gồm đầy đủ danh từ chung và danh từ riêng không được viết tắt".

2. Sửa đổi đoạn c điểm 2.3.6 phần II như sau:

"Tên đơn vị hành chính cấp tỉnh trong phạm vi mảnh bản đồ được trình bày ở mảnh có trụ sở Ủy ban nhân dân cấp tỉnh".

3. Thay thế cụm từ "địa giới hành chính" bằng cụm từ "địa giới đơn vị hành chính" tại điểm 2.3.1, điểm 2.3.3, điểm 2.3.5, điểm 2.8.3, điểm 2.9.7 phần II.

4. Thay thế cụm từ "cấp huyện" bằng cụm từ "cấp xã" tại đoạn d điểm 2.4.1 phần II.

5. Thay thế một số tên ký hiệu sau: "Đường địa giới hành chính cấp tỉnh" bằng "Đường địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh", "Đường địa giới hành chính cấp huyện" bằng "Đường địa giới đơn vị hành chính cấp xã", "Đường ranh giới hành chính cấp tỉnh trên biển" bằng "Đường ranh giới đơn vị hành chính cấp tỉnh trên biển", "Đường ranh giới hành chính cấp huyện trên biển" bằng "Đường ranh giới đơn vị hành chính cấp xã trên biển", "Tên xã, phường" bằng "Tên xã", "Tên thị trấn" bằng "Tên phường, đặc khu" tại Phụ lục B.

6. Bỏ tên ký hiệu "Đường địa giới hành chính cấp xã", "Đường ranh giới hành chính cấp xã trên biển", "Ủy ban nhân dân cấp huyện", "Tên quận, huyện", "Tên thị xã" và ký hiệu kèm theo tại Phụ lục B.

7. Bỏ các danh từ chung và chữ viết tắt sau: "Thị xã", "Quận", "Huyện", "Thị trấn" tại Phụ lục C.

8. Bỏ các cụm từ sau: "Tên huyện góc khung", "Tên huyện tiếp biên". tại Phụ lục D.

9. Bãi bỏ đoạn b điểm 2.3.6 phần II.

Điều 5. Sửa đổi, thay thế, bãi bỏ một số nội dung của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:50.000, 1:100.000, mã số QCVN 70:2022/BTNMT ban hành kèm theo Thông tư số 06/2022/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

1. Sửa đổi điểm 2.4.3 phần II như sau:

"Đường địa giới hành chính các cấp được thể hiện theo bản đồ địa giới đơn vị hành chính cùng tỷ lệ hoặc có tỷ lệ gần nhất với bản đồ. Các tuyến địa giới đơn vị hành chính phải được thể hiện liên tục không đứt đoạn cho đến giao ngắt với tuyến địa giới đơn vị hành chính cùng cấp. Trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:50.000, 1:100.000 thể hiện đầy đủ đường địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã.".

2. Sửa đổi đoạn a điểm 2.4.7 phần II như sau:

"Tên đơn vị hành chính cấp xã trong phạm vi mảnh bản đồ được bố trí ở khu vực trung tâm phạm vi hành chính của xã, phường, đặc khu đó. Trường hợp phạm vi đơn vị hành chính cấp xã bị chia cắt trên nhiều mảnh bản đồ thì ưu tiên thể hiện tên đơn vị hành chính cấp xã trong mảnh có trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, trường hợp mảnh có trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã không đủ diện tích để thể hiện tên

đơn vị hành chính thì ghi chú tên đơn vị hành chính trong mảnh có phạm vi rộng nhất, các mảnh khác chỉ thể hiện tên đơn vị hành chính cấp xã ngoài khung bản đồ. Tên đơn vị hành chính cấp xã bao gồm đầy đủ danh từ chung và danh từ riêng, nếu không đủ diện tích thể hiện có thể viết tắt danh từ chung theo quy định tại Phụ lục C của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này. Tên tỉnh không thể hiện danh từ chung, chỉ thể hiện danh từ chung khi tên riêng của đơn vị hành chính đó có một âm tiết".

3. Sửa đổi đoạn c điểm 2.4.7 phần II như sau:

"Tên đơn vị hành chính cấp tỉnh trong phạm vi mảnh bản đồ được trình bày ở mảnh có trụ sở Ủy ban nhân dân cấp tỉnh".

4. Sửa đổi đoạn đ điểm 2.4.7 phần II như sau:

"Tên đơn vị hành chính các cấp còn được thể hiện ngoài khung bản đồ, ở hai bên đầu đường địa giới hành chính tương ứng. Ghi đầy đủ tên đơn vị hành chính cấp xã, nếu không đủ diện tích thể hiện có thể viết tắt danh từ chung theo quy định tại Phụ lục C của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này. Tên đơn vị hành chính cấp tỉnh không thể hiện danh từ chung, chỉ thể hiện danh từ chung khi tên riêng của đơn vị hành chính cấp tỉnh có một âm tiết.".

5. Thay thế một số tên ký hiệu sau: "Đường địa giới hành chính cấp tỉnh" bằng "Đường địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh", "Đường địa giới hành chính cấp huyện" bằng "Đường địa giới đơn vị hành chính cấp xã", "Đường ranh giới hành chính cấp tỉnh trên biển" bằng " Đường ranh giới đơn vị hành chính cấp tỉnh trên biển", "Đường ranh giới hành chính cấp huyện trên biển" bằng "Đường ranh giới đơn vị hành chính cấp xã trên biển", "Tên xã, phường" bằng "Tên xã", "Tên thị trấn" bằng "Tên phường, đặc khu" tại Phụ lục B.

6. Thay thế cụm từ "địa giới hành chính" bằng cụm từ "địa giới đơn vị hành chính" tại điểm 2.4.1, điểm 2.4.5, điểm 2.4.6, điểm 2.5.9, điểm 2.7.4, điểm 2.9.7 phần II.

7. Bỏ cụm từ "tên huyện góc khung" tại đoạn g điểm 2.3.1 phần II.

8. Bỏ cụm từ "cấp huyện" tại điểm 2.5.6 phần II.

9. Bỏ tên ký hiệu "Đường địa giới hành chính cấp xã", "Đường ranh giới hành chính cấp xã trên biển", "Ủy ban nhân dân cấp huyện", "Tên quận, huyện", "Tên thị xã" và ký hiệu kèm theo tại Phụ lục B.

10. Bỏ các danh từ chung và chữ viết tắt sau: "Thị xã", "Quận", "Huyện", "Thị trấn" tại Phụ lục C.

11. Bãi bỏ đoạn b điểm 2.4.7 phần II.

Điều 6. Sửa đổi, thay thế, bãi bỏ một số nội dung của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:250.000, mã số QCVN 74:2023/BTNMT ban hành kèm theo Thông tư số 11/2023/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

1. Sửa đổi điểm 2.5.8.1 phần II như sau: "Thể hiện tên đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã trong phạm vi mảnh bản đồ có trụ sở Ủy ban nhân dân cấp tương ứng".

2. Thay thế cụm từ "cấp huyện" bằng cụm từ "cấp xã" tại điểm 2.3.1 phần II.

3. Thay thế cụm từ "địa giới hành chính" bằng cụm từ "địa giới đơn vị hành chính" tại điểm 2.3.1, điểm 2.3.3, điểm 2.3.5, điểm 2.5.4, điểm 2.9.8.1 phần II.

4. Thay thế một số tên ký hiệu sau: "Đường địa giới hành chính cấp tỉnh" thành "Đường địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh", "Đường địa giới hành chính cấp huyện" thành "Đường địa giới đơn vị hành chính cấp xã", "Đường ranh giới hành chính cấp tỉnh trên biển" thành "Đường ranh giới đơn vị hành chính cấp tỉnh trên biển", "Đường ranh giới hành chính cấp huyện trên biển" thành "Đường ranh giới đơn vị hành chính cấp xã trên biển" tại Phụ lục B.

5. Thay thế tên ký hiệu "Tên thị trấn" bằng "Tên xã, phường, đặc khu" tại Phụ lục B.

6. Thay thế cụm từ "Tên huyện" trong tên ký hiệu "Ghi chú đầu đường địa giới" bằng cụm từ "Tên xã, phường, đặc khu" tại Phụ lục B.

7. Bỏ tên ký hiệu và ký hiệu kèm theo của các ký hiệu sau: "Tên huyện lỵ trùng tên huyện", "Tên huyện lỵ khác tên huyện" tại Phụ lục B.

8. Bỏ các danh từ chung và chữ viết tắt sau: "Thị xã", "Quận", "Huyện", "Thị trấn" tại Phụ lục C.

9. Bãi bỏ điểm 2.5.8.3, điểm 2.5.8.4 phần II.

Điều 7. Sửa đổi, thay thế, bãi bỏ một số nội dung của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:500.000, 1:1.000.000, mã số QCVN 75:2023/BTNMT ban hành kèm theo Thông tư số 17/2023/TT-BTNMT ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

1. Sửa đổi điểm 2.5.7.1 phần II như sau: "Thể hiện tên đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã trong phạm vi mảnh bản đồ có trụ sở Ủy ban nhân dân cấp tương ứng".

2. Thay thế cụm từ "cấp huyện" bằng cụm từ "cấp xã" tại điểm 2.3.1, điểm 2.3.3 phần II.

3. Thay thế cụm từ "địa giới hành chính" thành cụm từ "địa giới đơn vị hành chính" tại điểm 2.3.1, điểm 2.3.3, điểm 2.3.5, điểm 2.5.4, điểm 2.9.8.1 phần II.

4. Thay thế cụm từ "địa giới hành chính" bằng cụm từ "đường địa giới đơn vị hành chính" tại Phụ lục A.

5. Thay thế cụm từ "đường địa giới hành chính" bằng cụm từ "đường địa giới đơn vị hành chính" tại Phụ lục D, tại Phụ lục E.

6. Thay thế tên ký hiệu của các ký hiệu sau: "Đường địa giới hành chính cấp tỉnh" bằng "Đường địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh", "Đường địa giới hành chính cấp huyện" bằng "Đường địa giới đơn vị hành chính cấp xã", "Đường ranh giới hành chính cấp tỉnh trên biển" thành "Đường ranh giới đơn vị hành chính cấp tỉnh trên biển", "Đường ranh giới hành chính cấp huyện trên biển" thành "Đường ranh giới đơn vị hành chính cấp xã trên biển" tại Phụ lục B.

7. Thay thế tên ký hiệu "Tên thị trấn" bằng "Tên xã, phường, đặc khu" tại Phụ lục B.

8. Thay thế cụm từ "Tên huyện" trong tên ký hiệu "Ghi chú đầu đường địa giới" thành "Tên xã, phường, đặc khu" tại Phụ lục B.

9. Bỏ tên ký hiệu và ký hiệu kèm theo của các ký hiệu sau: "Tên huyện lỵ trùng tên huyện", "Tên huyện lỵ khác tên huyện" tại Phụ lục B.

10. Bỏ các danh từ chung và chữ viết tắt sau: "Thị xã", "Huyện" tại Phụ lục C.

11. Bãi bỏ điểm 2.5.7.3, điểm 2.5.7.4 phần II.

Điều 8. Bổ sung, bãi bỏ một số nội dung của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy trình thành lập bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000, 1:10.000 từ cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia, mã số QCVN 81:2024/BTNMT ban hành kèm theo Thông tư số 24/2024/TT-BTNMT ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

1. Bổ sung cụm từ "đơn vị" vào trước cụm từ "hành chính" trong tên các đối tượng địa lý sau: Địa phận hành chính cấp tỉnh mã AD02; Địa phận hành chính cấp xã mã AD03; Đường địa giới hành chính cấp tỉnh mã AD05; Đường địa giới hành chính cấp xã mã AD06; Đường ranh giới hành chính cấp tỉnh trên biển mã AE05; Đường ranh giới hành chính cấp xã trên biển mã AE06 tại Phụ lục A và Phụ lục B.

2. Bổ sung cụm từ "đơn vị hành chính" vào sau cụm từ "địa giới" trong tên các đối tượng địa lý sau: Mốc địa giới cấp tỉnh mã AD08, Mốc địa giới cấp xã mã AD09 tại Phụ lục A và Phụ lục B.

3. Bỏ cụm từ "Tên huyện tiếp biên" tại Phụ lục A và Phụ lục B.

4. Bãi bỏ các nội dung quy định đối với các đối tượng địa lý sau: Địa phận hành chính cấp huyện mã AD01, Đường địa giới hành chính cấp huyện mã AD04,

Mốc địa giới hành chính cấp huyện mã AD07, Địa phận hành chính cấp huyện trên biển mã AE01, Đường ranh giới hành chính cấp huyện trên biển mã AE04, Trụ sở UBND cấp Huyện mã CV07 tại Phụ lục A và Phụ lục B.

5. Bãi bỏ các thông tin siêu dữ liệu là Huyện, Quận tại Phụ lục D.

Điều 9. Thay thế, bãi bỏ một số nội dung của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000, 1:10.000, mã số QCVN 82:2024/BTNMT ban hành kèm theo Thông tư số 27/2024/TT-BTNMT ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

1. Thay thế các cụm từ sau: "DiaPhanHanhChinhTrenDatLien" bằng "DiaPhanDonViHanhChinhTrenDatLien", "DuongDiaGioiHanhChinh" bằng "DuongDiaGioiDonViHanhChinh", "MocDiaGioiHanhChinh" bằng "MocDiaGioiDonViHanhChinh", "DiaPhanHanhChinhTrenBien" bằng "DiaPhanDonViHanhChinhTrenBien", "DuongRanhGioiHanhChinhTrenBien" bằng "DuongRanhGioiDonViHanhChinhTrenBien" tại Phụ lục B.

2. Bãi bỏ các thông tin siêu dữ liệu là Huyện, Quận tại Phụ lục D.

Điều 10. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số nội dung của Thông tư số 34/2024/TT-BTNMT ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:50.000 bằng phương pháp đo sâu hồi âm và thành lập bản đồ địa hình đáy biển từ cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ tương ứng

1. Bổ sung cụm từ "đơn vị" vào trước cụm từ "hành chính" trong tên các đối tượng địa lý sau: Đường địa giới hành chính cấp tỉnh mã AD05, Đường địa giới hành chính cấp xã mã AD06, Đường ranh giới hành chính cấp tỉnh trên biển mã AE05, Đường ranh giới hành chính cấp xã trên biển mã AE06 tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 34/2024/TT-BTNMT.

2. Thay thế các cụm từ sau: "DiaPhanHanhChinhTrenBien" bằng "DiaPhanDonViHanhChinhTrenBien", "DuongRanhGioiHanhChinhTrenBien" bằng "DuongRanhGioiDonViHanhChinhTrenBien" tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 34/2024/TT-BTNMT.

3. Thay thế tên các đối tượng sau: "Tên huyện góc khung" bằng "Tên xã, phường, đặc khu; "Tên huyện tiếp biên" bằng "Tên xã, phường tiếp biên" tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 34/2024/TT-BTNMT.

4. Bãi bỏ các nội dung quy định đối với các đối tượng địa lý sau: Đường địa giới hành chính cấp huyện mã AD04, Đường ranh giới hành chính cấp huyện trên

biển mã AE04, Trụ sở UBND cấp Huyện mã CV07 tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 34/2024/TT-BTNMT.

5. Bãi bỏ các thông tin siêu dữ liệu là Huyện, Quận tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 34/2024/TT-BTNMT.

Điều 11. Sửa đổi, bãi bỏ một số nội dung tại Phụ lục số 1, Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 46/2017/TT-BTNMT ngày 23 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định xây dựng cơ sở dữ liệu địa giới hành chính

1. Sửa đổi đoạn c điểm 3.4.4 khoản 3.4 Điều 3 của Phụ lục số 1 như sau:

"c) Các đối tượng có kiểu hình học vùng được xây dựng theo các nguyên tắc sau:

- Các đối tượng "Địa phận xã", "Địa phận tỉnh" được xây dựng từ các đối tượng đường địa giới đơn vị hành chính cấp xã, cấp tỉnh tương ứng;

- Đối tượng "Lãnh thổ" được xây dựng từ tất cả các đối tượng "Địa phận tỉnh";

- Đối tượng "Hải phận xã" phải được xây dựng từ đường ranh giới hành chính trên biển;

- Đối tượng "Hải phận tỉnh" được xây dựng từ hải phận xã.".

2. Bỏ từ "huyện" tại đoạn a điểm 1.4.1 khoản 1.4 Điều 1 của Phụ lục số 1.

3. Bỏ các cụm từ "Đoạn địa giới huyện", "Đường địa giới huyện" tại điểm 3.1.2 khoản 3.1 Điều 3 của Phụ lục số 1.

4. Bỏ các cụm từ "Địa phận huyện", "Hải phận huyện" tại điểm 3.1.3 khoản 3.1 Điều 3 của Phụ lục số 1.

5. Bỏ cụm từ "toàn huyện" tại đoạn c điểm 3.4.1 khoản 3.4 Điều 3 của Phụ lục số 1.

6. Bỏ cụm từ "Đối tượng Mốc địa giới cấp huyện và Đoạn địa giới huyện" tại đoạn b điểm 3.4.4 khoản 3.4 Điều 3 của Phụ lục số 1.

7. Bãi bỏ các nội dung quy định tại đoạn b điểm 1.4.1 khoản 1.4 Điều 1 của Phụ lục số 1.

8. Bãi bỏ các nội dung về đối tượng "Đoạn địa giới huyện" và "Đường địa giới huyện" tại đoạn a điểm 3.4.4 khoản 3.4 Điều 3 của Phụ lục số 1.

9. Bãi bỏ các nội dung quy định đối với các đối tượng địa lý sau: "Đoạn địa giới huyện" mã AC05, "Đường địa giới huyện" mã AC02, "Địa phận huyện" mã AD02, "Mốc địa giới cấp huyện" mã AG04, "Hải phận huyện" mã AE08 tại Phụ lục số 2.

Điều 12. Thay thế, bãi bỏ một số nội dung của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chuẩn hóa địa danh phục vụ công tác thành lập bản đồ, mã số QCVN 37:2011/BTNMT ban hành kèm theo Thông tư số 23/2011/TT-BTNMT ngày 06 tháng 7 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

1. Thay thế nội dung "Tổng hợp, lập bảng kết quả chuẩn hóa địa danh trên bản đồ địa hình theo đơn vị hành chính cấp tỉnh từ kết quả chuẩn hóa địa danh cấp huyện theo mẫu quy định tại Phụ lục số 13 ban hành kèm theo Quy chuẩn này;" bằng nội dung "Tổng hợp, lập bảng kết quả chuẩn hóa địa danh trên bản đồ địa hình theo đơn vị hành chính cấp tỉnh từ kết quả chuẩn hóa địa danh cấp xã theo mẫu quy định tại Phụ lục số 13 ban hành kèm theo Quy chuẩn này;" tại đoạn d điểm 1.2.2 Phần II.

2. Thay thế cụm từ "Xã/Phường/Thị trấn" bằng cụm từ "Xã/Phường/Đặc khu" tại Phụ lục số 10 và Phụ lục số 11.

3. Bỏ cụm từ "Huyện/Thành phố, Thị xã/Quận" tại Phụ lục số 10 và Phụ lục số 11.

4. Bỏ các từ "Huyện" tại Phụ lục số 13.

5. Bỏ cụm từ "Huyện/quận/thành phố/thị xã" và cụm từ "cấp huyện" tại Phụ lục số 15.

6. Bãi bỏ Phụ lục số 12.

7. Bãi bỏ nội dung "xác minh địa danh tại đơn vị hành chính cấp huyện" tại đoạn d điểm 1.2.2 Phần II.

Điều 13. Sửa đổi, thay thế, bãi bỏ một số nội dung của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bản đồ hành chính, mã số QCVN 80:2024/BTNMT ban hành kèm theo Thông tư số 28/2024/TT-BTNMT ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

1. Sửa đổi điểm 4.2 Phần I như sau:

"Bản đồ hành chính cấp tỉnh là bản đồ hành chính thể hiện ranh giới đơn vị hành chính của tỉnh, thành phố, ranh giới các đơn vị hành chính cấp xã và các yếu tố có liên quan phục vụ quản lý hành chính của tỉnh, thành phố đó".

2. Sửa đổi điểm 4.3 phần I như sau:

"Bản đồ hành chính cấp xã là bản đồ hành chính thể hiện ranh giới đơn vị hành chính của xã, phường, đặc khu và các yếu tố có liên quan phục vụ quản lý hành chính của xã, phường, đặc khu đó".

3. Sửa đổi điểm 4.2 Mục II.I.I như sau:

"Tỷ lệ bản đồ hành chính cấp tỉnh được lựa chọn sao cho phạm vi đơn vị hành chính của tỉnh, thành phố đó trình bày vừa một trong các khổ giấy A0, 2A0, 4A0, 6A0 tùy vào mục đích sử dụng. Tỷ lệ bản đồ hành chính cấp tỉnh phải có mẫu số chẵn đến 5000 đơn vị".

4. Sửa đổi điểm 4.3 Mục II.I.I như sau:

"Tỷ lệ bản đồ hành chính cấp xã được lựa chọn sao cho phạm vi đơn vị hành chính của xã, phường, đặc khu đó trình bày vừa một trong các khổ giấy A0, 2A0, 4A0 tùy vào mục đích sử dụng. Tỷ lệ bản đồ hành chính cấp xã phải có mẫu số chẵn đến nghìn đơn vị".

5. Sửa đổi đoạn b điểm 3.5 Mục II.I.III như sau:

"Bản đồ hành chính cấp xã thể hiện đầy đủ tên dân cư trong phạm vi xã, phường, đặc khu. Đối với phạm vi bên ngoài cấp xã: trường hợp tiếp giáp với lãnh thổ nước ngoài thì chỉ thể hiện tên quốc gia; trường hợp tiếp giáp với các tỉnh thuộc lãnh thổ Việt Nam thì thể hiện đầy đủ tên tỉnh; trường hợp tiếp giáp với các xã, phường khác trong tỉnh thì chỉ thể hiện tên xã, phường tiếp giáp".

6. Sửa đổi điểm 5.3 Mục II.I.III như sau:

"Bảng diện tích, dân số các đơn vị hành chính trong tỉnh phải thể hiện đầy đủ tên đơn vị hành chính xã, phường, đặc khu kèm số liệu công bố mới nhất về diện tích, dân số của Tổng cục Thống kê; trong đó diện tích có đơn vị là km^2, dân số có đơn vị là người".

7. Sửa đổi điểm 5.4 Mục II.I.III như sau:

"Nguyên tắc sắp xếp tên các đơn vị hành chính trong bảng diện tích, dân số đối với bản đồ hành chính cấp tỉnh như sau: Sắp xếp theo thứ tự tên đặc khu, tên phường, tên xã theo trình tự bảng chữ cái tiếng Việt".

8. Thay thế cụm từ "cấp huyện" bằng cụm từ "cấp xã" tại Điều 1; Điều 2; điểm 4.5 Phần I; điểm 1.3 Mục II.I.I Phần II; điểm 2.1, điểm 2.3, điểm 3.1, điểm 4.5.3, điểm 5.6.4 của Mục II.I.III Phần II; Điều 2 Chương II.II Phần II; điểm 3.1.2, điểm 3.3.2, điểm 3.5.2, điểm 4.2.3 của Mục II.III.I Phần II; tại nội dung quy định chung của Mục II.III.II; Điều 1 Phần IV; tại cột nội dung biểu thị của Phụ lục C.

9. Thay thế cụm từ "của huyện" bằng cụm từ "của xã, phường, đặc khu" tại điểm 1.3 Mục II.I.III.

10. Thay thế một số cụm từ tại đoạn a, đoạn b điểm 3.3 Mục II.I.III như sau: "các mốc địa giới hành chính cấp tỉnh, huyện" bằng "các mốc địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh"; "các mốc địa giới hành chính cấp xã" bằng "các mốc địa giới đơn vị hành chính cấp xã".

11. Thay thế cụm từ "bản đồ hành chính cấp huyện" bằng "bản đồ hành chính cấp xã" tại đoạn b điểm 3.3 Mục II.I.III.

12. Thay thế cụm từ "cấp huyện, cấp xã" bằng cụm từ "cấp xã" tại đoạn a điểm 3.5 Mục II.I.III.

13. Thay thế một số cụm từ sau: "cấp huyện" bằng "cấp xã", "huyện thành lập bản đồ hành chính được thể hiện nổi bật so với các huyện còn lại" bằng "đơn vị hành chính cấp xã thành lập bản đồ hành chính được thể hiện nổi bật so với các đơn vị hành chính cấp xã còn lại" tại điểm 5.6.2 Mục II.I.III.

14. Thay thế tên ký hiệu "Đường địa giới hành chính cấp huyện" bằng "Đường địa giới đơn vị hành chính cấp xã" tại Phụ lục E.

15. Thay thế cụm từ "cấp huyện" thành "cấp xã" tại Phụ lục H.

16. Thay thế Phụ lục B bằng Phụ lục kèm theo Thông tư này.

17. Bỏ cụm từ "cấp huyện" tại đoạn b điểm 4.1.8 Mục II.I.II, điểm 4.3.3 Mục II.I.II.

18. Bỏ các danh từ chung và chữ viết tắt sau: "Thị xã", "Quận", "Huyện", "Thị trấn" tại Phụ lục A.

19. Bỏ tên ký hiệu và ký hiệu kèm theo của các ký hiệu sau: Đường địa giới đơn vị hành chính cấp xã, Tên thị trấn (trong bản đồ cấp huyện), Ủy ban nhân dân cấp huyện tại Phụ lục E.

20. Bãi bỏ điểm 4.4 Mục II.I.I.

21. Bãi bỏ điểm 5.5 Mục II.I.III.

22. Bãi bỏ các thông tin về siêu dữ liệu là quận, huyện tại Phụ lục I.

Điều 14. Thay thế, bãi bỏ một số nội dung tại Phụ lục 1a và Phụ lục 2 của Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 19/2024/TT-BTNMT ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

1. Thay thế cụm từ "cấp huyện" thành "cấp xã" tại mục XI.3 Phụ lục 1a.

2. Bỏ cụm từ "cấp huyện" trong nội dung "Xác minh địa danh tại cấp xã, cấp huyện, tỉnh" tại mục X Phụ lục 1a.

3. Bãi bỏ mục XI.2 về Hồ sơ địa giới hành chính cấp huyện quy định tại Phụ lục 1a.

4. Bãi bỏ nội dung quy định sản phẩm giao nộp là "Kết quả chuẩn hóa địa danh cấp huyện" tại điểm 2 mục VII Phụ lục 2.

Điều 15. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Điều 16. Quy định chuyển tiếp

Các hạng mục công việc, sản phẩm đo đạc và bản đồ đã được kiểm tra chất lượng trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định tại các đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, nhiệm vụ đã được phê duyệt.

Điều 17. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Môi trường để xem xét, quyết định./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Phương Hoa

Phụ lục

Quy định về kinh tuyến trục của bản đồ hành chính cấp tỉnh

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Tên tỉnh/thành phố	Kinh tuyến trục
1	An Giang	104°45′
2	Bắc Ninh	107°00′
3	Cà Mau	104°30′
4	Cao Bằng	105°45′
5	Đắk Lắk	108°30′
6	Điện Biên	103°00′
7	Đồng Nai	107°45′
8	Đồng Tháp	105°00′
9	Gia Lai	108°15′
10	Hà Tĩnh	105°30′
11	Hưng Yên	105°30′
12	Khánh Hòa	108°15′
13	Lai Châu	104°45′
14	Lạng Sơn	107°15′
15	Lào Cai	104°45′
16	Lâm Đồng	107°45′
17	Nghệ An	104°45′
18	Ninh Bình	105°00′
19	Phú Thọ	104°45′
20	Quảng Ngãi	108°00′
21	Quảng Ninh	107°45′
22	Quảng Trị	106°00′
23	Sơn La	104°00′
24	Tây Ninh	105°45′
25	Thái Nguyên	106°30′

TT	Tên tỉnh/thành phố	Kinh tuyến trục
26	Thanh Hóa	105°00′
27	Thành phố Cần Thơ	105°00′
28	Thành phố Đà Nẵng	107°45′
29	Thành phố Hà Nội	105°00′
30	Thành phố Hải Phòng	105°45′
31	Thành phố Hồ Chí Minh	105°45′
32	Thành phố Huế	107°00′
33	Tuyên Quang	106°00′
34	Vĩnh Long	105°30′